

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2023/DS-ST**
Ngày: 29 – 3 – 2023
V/v tranh chấp Hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Tính**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đào Văn Vĩnh**

2. Bà **Ngô Như Ý**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Nhiều**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Mỹ Tiên**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 176/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu B**, sinh năm 1985 và ông **Dương Quốc C**, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Dương Quốc C là: Bà **Nguyễn Thị Thu B**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Văn bản ủy quyền ngày 29/12/2022. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông **Lê Văn G**, sinh năm 1978 và bà **Hồ Thị H**, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu B và ông Dương Quốc C thống nhất trình bày: Bà B, ông C có tham gia 01 phần hui của bà Hồ Thị H, ông Lê Văn G làm chủ hui, đây hui tháng mệnh giá 2.000.000 đồng, mở hui ngày 02/02/2021 âm lịch, gồm 20 phần hui (chưng hui). Khi bà B, ông C tham gia hui, bà H có cung cấp “*Giấy hợp đồng tham gia vào hui đề ngày 02/02/2021 ÂL*” để theo dõi. Bà H qui định mức góp tiền thấp nhất để lĩnh hui (đặt thâm) là 400.000 đồng/lần mở hui, ngày mùng 04 gom tiền, ngày mùng 06 giao tiền; hui viên và chủ hui giao tiền trễ sẽ phải chịu tiền lãi, cứ 100.000 đồng phải trả tiền lãi 5.000đ/ngày. Bà B, ông C đã góp được 11 lần hui với tổng số tiền 11.860.000 đồng, đến 06/01/2022 âm lịch thì bà H, ông G tuyên bố đình hui nhưng chưa trả lại số tiền hui đã góp cho bà B, ông C. Nay bà B, ông C có yêu cầu bà H, ông G trả lại số tiền 11.860.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

Đồng bị đơn bà Hồ Thị H, trình bày: Bà H thừa nhận có tổ chức chơi hụi và làm chủ hụi, bà B là hụi viên, có tham gia các dây hụi như B trình bày. Trong quá trình giao dịch hụi, do hụi viên từ những dây hụi khác sau khi lĩnh hụi không góp lại tiền hụi cho bà H và hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà H tuyên bố đình hụi vào ngày 06 tháng 01 năm 2022 âm lịch. Sau khi đình hụi giữa bà H với các hụi viên chưa có bàn bạc, thỏa thuận bất cứ nội dung gì. Các dây hụi trên do bản thân bà H đứng ra tổ chức và trực tiếp thực hiện, ông G biết việc bà H làm chủ hụi nhưng không tham gia vào công việc của bà H. Bà H thừa nhận sử dụng tiền hoa hồng (đầu thảo) từ các dây hụi trên vào chi phí sinh hoạt gia đình. Đối với khởi kiện của bà B yêu cầu bà H, ông G cùng có nghĩa vụ thanh toán số tiền hụi đã góp 11.860.000 đồng thì bà H đồng ý thanh toán số tiền trên cho bà B, ông C.

Đồng bị đơn ông Lê Văn G, trình bày: Ông G có biết việc bà H làm chủ hụi cách nay khoảng 3-4 năm, khi ông G biết bà H làm chủ hụi thì ông G đã phản đối nhưng bà H nói ông G không chăm lo được cuộc sống của bà H nên chuyện bà H làm bà H tự biết nên ông G cũng bỏ mặc việc bà H làm, ông G không có tham gia vào các dây hụi của bà H; thu nhập từ việc làm chủ hụi bà H có sử dụng vào sinh hoạt gia đình, trả nợ cho các dây hụi khác. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà B, ông C thì ông G không đồng ý cùng với bà H thanh toán số tiền 11.860.000 đồng cho bà B, ông C vì ông G không có liên quan đến giao dịch hụi của bà H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát chưa phát hiện vi phạm thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa mà vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, ông C về việc tranh chấp hụi với bà H, ông G. Buộc bà H, ông G cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà B, ông C số tiền hụi đã góp là 11.860.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà H, ông G phải nộp đối với yêu cầu khởi kiện của bà B, ông C được Tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Thu B và ông Dương Quốc C khởi kiện bà Hồ Thị H, ông Lê Văn G yêu cầu thanh toán tiền nợ hụi nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ luật Dân sự. Bà H, ông G có địa chỉ cư trú tại ấp D, xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Hồ Thị H, ông Lê Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông G.

[3] Về nội dung: Bà Hồ Thị H thừa nhận có tổ chức làm chủ hội, mở dây hội tháng vào ngày 02/02/2021 âm lịch, mệnh giá 2.000.000 đồng, gồm 20 phần hội (chung hội), bà B, ông C tham gia 01 phần hội, đã góp được 11 lần hội với tổng số tiền 11.860.000 đồng; dây hội này đã đình hội vào ngày 06 tháng 01 năm 2022 âm lịch, bà H còn nợ bà B, ông C số tiền 11.860.000 đồng chưa thanh toán. Đây là tình tiết, sự kiện được bị đơn bà H thừa nhận nên thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, cần buộc bà H có nghĩa vụ thanh số tiền 11.860.000 đồng cho bà B, ông C.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, khi bà H làm chủ các dây hội, ông G biết và không ngăn cản. Bà H thừa nhận đã sử dụng tiền hoa hồng từ việc làm chủ hội để chi tiêu trong sinh hoạt gia đình. Mặt khác, giao dịch hội nêu trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà H với ông G nên có căn cứ xác định đây là nợ chung của bà H và ông G. Do đó, cần buộc ông G cùng có nghĩa vụ với bà H thanh toán số tiền 11.860.000 đồng cho bà B, ông C.

[5] Bà B, ông C không có yêu cầu bà H, ông G thanh toán tiền lãi của số tiền hội đã góp là 11.860.000 đồng. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của bà B, ông C nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà H, ông G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 5% trên tổng số tiền phải thanh toán cho bà B, ông C, cụ thể: 11.860.000 đồng x 5% = 593.000 đồng. Bà B, ông C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà B, ông C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001270 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu B, ông Dương Quốc C đối với bà Hồ Thị H, ông Lê Văn G về việc tranh chấp Hội. Buộc bà Hồ Thị H, ông Lê Văn G cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu B, ông Dương Quốc C số tiền 11.860.000 đồng.

2. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản

tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Hồ Thị H, ông Lê Văn G phải nộp 593.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu B, ông Dương Quốc C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà B, ông C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001270 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hoàng Tính